**Bài số 4.** Để xác định hàm lượng của Cu trong nước, lấy 4 (l) H2O đem cô cạn, bã rắn hoà tan trong hh HCl và getalin, sau đó định mức đến 100ml.

Lấy 25ml dung dịch cho vào bình cực phổ đo dòng IC= 0,75 µA sau đó lấy 25ml dung dịch, thêm vào 5ml dung dịch CuSO4 10-2M rồi cực phổ IC=3,75µA.

Tính số mg Cu trong 1(l) H2O.

**Bài số 5.** Phân tích Cu trong mẫu nước ngầm bằng phương pháp von-ampe hoà tan anot. Lấy 2lit mẫu nước cô cạn rồi sấy khô, hoà tan vào dd HCl và geratin rồi định mức tới 100ml. Tiến hành đo:

Lấy 25ml dung dịch này cho vào bình đựng, thêm vào 2ml dung dịch đệm axetat rồi định mức đến 30ml, tiến hành phân tích thu được Id=0,75 µA.

Lấy 25ml dung dịch này cho vào bình đựng, thêm vào 2ml dung dịch đệm axetat, sau đó cho tiếp vào 2ml dung dịch CuCl2 10-2M rồi định mức bằng nứoc cất đến 30ml, tiến hành phân tích thu được Id=3,75 µA. Tính hàm lượng Cu trong mẫu(ppm).

**Bài số 6.** Trong dung dịch NaOH sự khử ion  cho sóng cực phổ nhờ điện cực giọt thủy ngân có tốc độ chảy 1,5mg/s, thời gian chảy 3,15s, hệ số khuếch tán 0,75.10-5 cm2/s , cường độ khuếch tán 61,9 µA với dung dịch 4.10-3 M. Xác định sự khử ion trên. (Trích bài giảng của TS Ngô Văn Tứ\_ khoa Hoá trường ĐHSP Huế)

**Bài số 7.** Hàm lượng của As(III) trong nước có thẻ phân tích bằng phương pháp cực phổ xung vi phân. Ban đầu ta đặt điện thế là -0,1V sau đó ta quét thế âm dần với biên độ là 5mV/s. Sự biến đổi As(III) về As(0) xảy ra ở khoảng thế -0,44V. Cường độ dòng của các mẫu tiêu chuẩn chứa chất phân tích trong nền phân tích như sau:

[As(III)] (M) *i*p(A)

1.00 10–6 0.298

3.00 10–6 0.947

6.00 10–6 1.83

9.00 10–6 2.72

Hàm lượng As(III) trong mẫu phân tích bằng bao nhiêu nếu cưòng độ dòng 1,37A trong cùn g điều kiện như trên.

( Trích Modern Analytical Chemistry, David Harvey, DePauw University)